

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:30/2019/DS-PT

Ngày: 26 – 02 - 2019

V/v: ” Tranh chấp quyền sử dụng đất ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà.

Ông Nguyễn Văn Ngừng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Tuyết Lan – kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:126/2018/TLPT-DS ngày 10/8/2018 về việc:“Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:28/2018/DS-ST, ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 53/2019/QĐ-PT ngày 13/02/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị B, sinh năm 1951.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1958.

2.2. Bà Lê Thị X1, sinh năm 1951.

2.3. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1964.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Võ Văn T1, sinh năm 1948

3.2. Chị Võ Thị H2, sinh năm 1973

- 3.3. Anh Võ Văn L2, sinh năm 1977
- 3.4. Anh Võ Văn L3, sinh năm 1979
- 3.5. Anh Võ Nhựt T2, sinh năm 1982
- 3.6. Anh Võ Thành N, sinh năm 1984
- 3.7. Chị Võ Thanh T3, sinh năm 1987
- 3.8. Anh Võ Văn N1, sinh năm 1989

Người đại diện hợp pháp của ông T1, chị H2, anh L2, anh L3, anh T2, anh Thành N, chị T3, anh Văn N: Bà Bùi Thị B, sinh năm 1951, là đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/10/2016).

- 3.9. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1964 (vợ ông Hoàng)
- 3.10. Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1987 (con ông Hoàng)
- 3.11. Chị Nguyễn Thị Thúy S, sinh năm 1992 (con ông Hoàng)

Người đại diện hợp pháp của bà D, anh P, chị S: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1958 là đại diện theo ủy quyền (Theo các văn bản ủy quyền cùng ngày 01/12/2016).

- 3.12. Anh Hồ Hoàng T4, sinh năm 1984 (con bà Là)

Người đại diện hợp pháp của anh T4: Bà Lê Thị L1, sinh năm 1964 là đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/11/2016)

- 3.13. Ông Đặng Văn X2, sinh năm 1949 (chồng bà Xà)
- 3.14. Anh Đặng Ngọc L4, sinh năm 1986 (con bà Xà)
- 3.15. Anh Đặng Ngọc Đ, sinh năm 1989 (con bà Xà)

Người đại diện hợp pháp của ông X2, anh L4, anh Đ: Bà Lê Thị X1, sinh năm 1951 là đại diện theo ủy quyền (Theo các văn bản ủy quyền cùng ngày 22/11/2016)

Tất cả các đương sự cùng địa chỉ: ấp 3, xã HL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long
Người kháng cáo: Bà Bùi Thị Blà nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/10/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Bùi Thị B trình bày:

Bà Ba có phần đất thuộc thửa số 442, diện tích 1.250m², loại đất thổ quả, do bà Bùi Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp 3, xã H L, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất này của bà B nằm giáp ranh với thửa số 39 của ông Nguyễn Văn H1, thửa số 40 của bà Lê Thị X1 và thửa 77 của bà Lê Thị L1.

Trong quá trình sử dụng đất đến khoảng năm 2008 khi thực hiện chương trình đo đạc Vlap thì giữa bà B phát sinh tranh chấp ranh đất với ông H1, bà L1, bà

X1. Bà B cho rằng ông H1 lấn chiếm diện tích khoảng 150 m², bà X1 lấn chiếm diện tích khoảng 100m², bà L1 lấn chiếm diện tích khoảng 75m².

Nay bà B yêu cầu ông H1, bà X1, bà L1 trả lại phần đất lấn chiếm theo kết quả đo đạc thực tế, trong đó ông H1 trả lại diện tích là 102,3 m², bà X1 trả lại diện tích 82,5m², bà L1 trả lại diện tích 22,8m² thuộc thửa 442 do bà B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp 3, xã HL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

- Phía các bị đơn trình bày:

1. Ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Ông H1 có phần đất số thửa 39, diện tích 1.790m² tọa lạc tại ấp 3, xã HL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất thửa số 39 của ông H1 nằm giáp ranh với phần đất thửa số 442 của bà Bùi Thị B.

Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là do bà B tự ý chặt 04 bụi lá dừa nước do ông H1 trồng và cặm trụ ranh qua phần đất của ông H1, cho rằng ông H1 lấn ranh.

Nay ông Hoàng không đồng ý theo yêu cầu của bà Ba, vì ông không có lấn ranh đất như bà B trình bày; ông yêu cầu xác định ranh đất giữa thửa 39 của ông với thửa 442 của bà B đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thuận tiện cho việc quản lý sử dụng. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

2. Bà Lê Thị X1 trình bày:

Bà X1 có phần đất thửa 40, diện tích 467,1m² loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp 3, xã HL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long, giáp ranh với thửa 442, diện tích 1.250m² của bà B. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là do phía bà B cho rằng bà X1 xây dựng nhà vệ sinh, sân, nhà tạm và trồng cây lấn chiếm đất của bà B nên phát sinh tranh chấp. Bà X1 cho rằng chỉ sử dụng phần đất trong thửa 40 của bà đã được Ủy ban nhân dân huyện TB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng không có lấn ranh qua phần đất của bà B.

Nay bà X1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà B, yêu cầu xác định ranh đất giữa thửa 40 của bà với thửa 442 của bà B đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thuận tiện cho việc quản lý sử dụng. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

3. Bà Lê Thị L1 trình bày:

Bà L1 có phần đất thửa 77, diện tích 781,6m² loại đất ở và trồng cây lâu năm do ông Lê Văn S2 (cha ruột của bà L1) cho vào năm 1977. Bà L1 quản lý sử dụng đến nay, hiện đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lê Thị L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, nằm giáp ranh với thửa 442, diện tích 1.250m² của bà B. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là do bà B cho rằng bà L1 có lấn ranh qua phần đất của bà B nên phát sinh tranh chấp. Bà L1 cho rằng chỉ sử dụng phần đất trong thửa 77 của bà đã được Ủy ban nhân dân huyện TB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng không có lấn ranh qua phần đất của bà B.

Nay bà L1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà B, yêu cầu xác định ranh đất giữa thửa 77 của bà với thửa 442 của bà B đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thuận tiện cho việc quản lý sử dụng. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn T1, chị Võ Thị H2, anh Võ Văn L2, anh Võ Văn L3, anh Võ Nhựt T2, anh Võ Thành N, chị Võ Thanh T3, anh Võ Văn N có bà Bùi Thị B làm đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn là bà Bùi Thị B, không bổ sung gì thêm.

2. Bà Phạm Thị D, anh Nguyễn Thanh P, chị Nguyễn Thị Thúy S1 có ông Nguyễn Văn H1 làm đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của bị đơn ông H1, không bổ sung gì thêm.

3. Anh Hồ Hoàng T4 có bà Lê Thị L1 làm đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của bị đơn bà L1, không bổ sung gì thêm.

4. Ông Đặng Văn X2, anh Đặng Ngọc L4, anh Đặng Ngọc Đ có bà Lê Thị X1 làm đại diện theo ủy quyền trình bày thống nhất ý kiến trình bày của bị đơn bà X1, không bổ sung gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện TB đã xử:

Áp dụng các Điều 166, 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 161, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Bùi Thị B về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị X1, bà Lê Thị L1 trả lại phần đất lấn chiếm theo kết quả đo đạc thực tế, trong đó ông H1 trả lại diện tích là 102,3 m², bà X1 trả lại diện tích 82,5m², bà L1 trả lại diện tích 22,8m² thuộc thửa 442 (thửa mới 90) do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp 3, xã HL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long và yêu cầu ông H1, bà L1, bà X1 tự di dời các tài sản gắn liền trên đất trả lại các phần đất nêu trên cho bà.

2/ Ông Nguyễn Văn H1 được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất tranh chấp tại chiết thửa số 39 (thửa mới 78-1), diện tích 102,3m² do ông Nguyễn Văn H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các mốc số 5, 6, 7, 8, 9, 5.

- Tại phần đất tranh chấp chiết thửa 39 (thửa mới 78-1) có các cây do ông H1 trồng gồm 03 cây dừa (từ trên 20 năm), 01 cây dừa (từ 7 đến 20 năm), 35 cây tầm vông, 03 cây chuối, 02 m² lá dừa nước. Ông H1 được tiếp tục quản lý sử dụng.

3/ Bà Lê Thị X1 được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất tranh chấp tại chiết thửa số 40 (thửa mới 78-2), diện tích 82,5m² do bà Lê Thị X1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các mốc số 9, 8, 13, 12, 9.

(Có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo).

- Tại phần đất tranh chấp chiết thửa 40 (thửa mới 78-2) có các cây trồng và vật kiến trúc do bà X1 trồng và xây dựng gồm: 01 cây cau (từ 01 đến 03 năm); 01 cây xoài (từ 01 đến 05 năm); 01 nhà vệ sinh diện tích 4,32m², 03 nhà tạm diện tích 37,16m², 01 sân gạch tàu diện tích 7,41m², 01 sân xi măng diện tích 3,24m². Bà X1 được tiếp tục quản lý, sử dụng.

4/ Bà Lê Thị L1 được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất tranh chấp tại chiết thửa số 77, diện tích 22,8m² do bà Lê Thị L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các mốc số 12, 13, 14, 15, 12.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2018 bà Bùi Thị B kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại mốc ranh ffaats giữa phần đất của bà tại thửa số 442, diện tích 1.250m², loại đất thổ quả với phần đất của ông Nguyễn Văn H1 tại thửa đất số 39, bà Lê Thị L1 tại thửa đất số 77 và Lê Thị X1 tại thửa đất số 40 theo đúng với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên. Các phần đất tọa lạc tại ấp 3, xã HL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Bùi Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Nguyễn Văn H1 không đồng ý với kháng cáo của bà Bùi Thị B.

Bà Lê Thị X1 và bà Lê Thị L1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn H1 là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm thị Dd, anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị Thúy S1 đồng ý trả lại cho bà Bùi Thị B phần đất tranh chấp có diện tích 25,2m² theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long và đồng ý di dời hoặc đốn bỏ cây trồng của ông trên phần đất tranh chấp 25,2m² (nếu có), không yêu cầu bà Bùi Thị B bồi thường.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của bà Bùi Thị B là có căn cứ chấp nhận một phần, bởi lẽ:

Theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 22/01/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, xác định:

- Phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn bà Bùi Thị B với bị đơn ông Nguyễn Văn H1 có diện tích 92,4m², gồm các mốc 18, 17, 7, 8, 19, 18, trong đó: có 25,5m² thuộc thửa số 50 (theo giấy chứng nhận QSDĐ ghi thửa 442) do bà Bùi Thị B đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ, gồm các mốc 18, b, 8, 19, 18. Có 67,2m² thuộc thửa số 39 do ông Nguyễn Văn H1 đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ, gồm các mốc 18, 17, 7, b, 18.

- Phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn bà Bùi Thị B với bị đơn bà Lê Thị X1 có diện tích 41,2m² thuộc thửa số 40 do bà Lê Thị X1 đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ, gồm các mốc 20, 13, 17, 18, 20.

- Phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn bà Bùi Thị B với bị đơn bà Lê Thị L1 có diện tích 15,4m² thuộc thửa số 77 do bà Lê Thị L1 đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, gồm các mốc 11, 12, 13, 20, 11.

Như vậy không có căn cứ xác định bà Lê Thị X1 và bà Lê Thị L1 lấn chiếm phần đất thuộc thửa 442 của bà Bùi Thị B. Riêng, ông Nguyễn Văn H1 đã lấn qua một phần đất thuộc quyền sử dụng của bà Bùi Thị B có diện tích 25,2m², nên buộc ông Nguyễn Văn H1, bà Phạm Thị D, ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị Thúy S1, trả lại cho bà Bùi Thị B phần diện tích 25,2m², thuộc thửa 442 gồm các mốc 18, b, 8, 19, 18 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 22/01/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên toà hôm nay, ông Nguyễn Văn H1 và cũng là đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị D, ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị Thúy S1, đồng ý giao lại cho bà B phần diện tích 25,2m², gia đình ông H1 tự nguyện di dời hoặc đốn bỏ toàn bộ cây trồng trên phần diện tích này, do đó chấp nhận một phần kháng cáo của bà Bùi Thị B, sửa án sơ thẩm.

Do đó Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị B. Sửa án sơ thẩm. Bà Ba không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xử ngày 06/6/2018, ngày 12/6/2018 bà Bùi Thị B có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của bà Bùi Thị B còn trong thời gian luật định và bà B đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ, đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị L1 và bà Lê Thị X1 có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà X1 và bà L1 theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của bà Bùi Thị B là có căn cứ chấp nhận một phần, bởi lẽ: Bà Bùi Thị B có phần đất thuộc thửa số 442, diện tích 1.250m², tờ bản đồ số 007, tọa lạc tại ấp 3, xã HL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long do bà Bùi Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất thửa 442 của bà B giáp ranh với thửa số 39 diện tích 1.790m² của ông Nguyễn Văn H1, thửa số 40 diện tích 467,1m² của bà Lê Thị X1 và thửa 77 diện tích 781,6m² của bà Lê Thị L1. Trong quá trình sử dụng đất, bà B cho rằng ông H1, bà L1, bà X1 đã lấn chiếm qua phần đất của bà B, cụ thể: ông H1 lấn chiếm diện tích 102,3 m², bà X1 lấn chiếm diện tích 82,5m², bà L1 lấn chiếm diện tích 22,8m², nên giữa bà B, ông H1, bà L1, bà X1 xảy ra tranh chấp.

Tại trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 22/01/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, xác định: Phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn bà Bùi Thị B với bị đơn ông Nguyễn Văn H1 có diện tích 92,4m² gồm các mốc 18, 17, 7, 8, 19, 18, trong đó: có 25,2m² thuộc thửa số 50 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi thửa 442) do bà Bùi Thị B đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm các mốc 18, b, 8, 19, 18. Có 67,2m² thuộc thửa số 39 do ông Nguyễn Văn H1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm các mốc 18, 17, 7, b, 18.

Như vậy có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn H1 đã lấn qua một phần đất thuộc quyền sử dụng của bà Bùi Thị B diện tích 25,2m², nên buộc ông Nguyễn Văn H1, bà Phạm Thị D, ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị Thúy S1, trả lại cho bà Bùi Thị B phần diện tích 25,2m² là có căn cứ. Án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B là không có căn cứ. Do đó chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị B đối với ông Nguyễn Văn H1. Buộc ông Nguyễn Văn H1 trả đất lấn chiếm cho bà B là có căn cứ.

Đối với kháng cáo của bà Bùi Thị B yêu cầu bà Lê Thị L1, Lê Thị X1 trả đất lấn chiếm là chưa đủ căn cứ. Bởi lẽ; Tại trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 22/01/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, xác định

- Phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn bà Bùi Thị B với bị đơn bà Lê Thị X1 có diện tích 41,2m² thuộc thửa số 40 do bà Lê Thị X1 đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ, gồm các mốc 20, 13, 17, 18, 20.

- Phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn bà Bùi Thị B với bị đơn bà Lê Thị L1 có diện tích 15,4m² thuộc thửa số 77 do bà Lê Thị L1 đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, gồm các mốc 11, 12, 13, 20, 11.

Như vậy không có căn cứ xác định bà Lê Thị X1 và bà Lê Thị L1 lấn chiếm phần đất thuộc thửa 442 của bà Bùi Thị B. Án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị B về việc yêu cầu bà Lê Thị L1, Lê Thị X1 trả đất lấn chiếm là có căn cứ.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H1 là bị đơn và cũng là đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị D, ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị Thúy S1, đồng ý giao lại cho bà B phần diện tích 25,2m², gia đình ông H1 tự nguyện di dời hoặc đốn bỏ toàn bộ cây trồng trên phần diện tích này.

Từ phân tích trên cho thấy có căn cứ chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Bùi Thị B. Sửa một phần án sơ thẩm.

Do sửa án sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn H1 phải chịu án phí sơ thẩm. Bà Bùi Thị B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Xét ông Nguyễn Văn H1 và bà Bùi Thị B là người cao tuổi nên căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí sơ thẩm cho ông H1 và bà B là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về chi phí thẩm định: Bà Bùi Thị B phải chịu 3.525.000đ, ông H1 phải chịu 1.175.000đ. Bà Bùi Thị B đã nộp 7.000.000đ tiền tạm ứng chi phí thẩm định. Số tiền này trừ vào chi phí thẩm định. Còn lại 2.300.000đ hoàn trả bà B và đã hoàn trả xong. Buộc ông Nguyễn Văn H1 nộp 1.175.000đ chi phí thẩm định hoàn trả bà B vì bà B đã nộp tạm ứng trước.

Xét đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Bùi Thị B. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 166, 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 161, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

1/ Buộc ông Nguyễn Văn H1, bà Phạm Thị D, ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị Thúy S1, trả bà Bùi Thị B phần diện tích 25,2m² thuộc thửa số 50 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi thửa 442) do bà Bùi Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm các mốc 18, b, 8, 19, 18.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 22/01/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long).

2/ Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H1, bà Phạm Thị D, ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thúy S1 đi dời hoặc đốn bỏ cây trồng trên phần đất 25,2m² trả bà Bùi Thị B (nếu có).

3/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B về việc yêu cầu yêu cầu bà Lê Thị X1, bà Lê Thị L1 trả lại phần đất lấn chiếm.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Bùi Thị B và ông Nguyễn Văn H. Hoàn trả bà Bùi Thị B tiền 203.0020đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 00004125. Ngày 17/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả bà Bùi Thị B 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0011010, ngày 12/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TB.

6/ Về chi phí thẩm định tại cấp phúc thẩm: Buộc bà Bùi Thị B nộp 3.525.000đ, ông Nguyễn Văn H1 nộp 1.175.000đ tiền chi phí thẩm định. Bà Bùi Thị B đã nộp 7.000.000đ tiền tạm ứng chi phí thẩm định. Số tiền này được trừ vào chi phí thẩm định, còn lại 2.300.000đ hoàn trả bà Bùi Thị B và đã hoàn trả xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Lộc